

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **34** /2017/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày **05** tháng **10** năm 2017

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... 5 ...
	Ngày: ... 10/10/17 ...

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 56/2015/TT-BGTVT ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý các nhiệm vụ môi trường sử dụng ngân sách nhà nước do Bộ Giao thông vận tải quản lý

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Môi trường;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 56/2015/TT-BGTVT ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý các nhiệm vụ môi trường sử dụng ngân sách nhà nước do Bộ Giao thông vận tải quản lý.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2015/TT-BGTVT ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý các nhiệm vụ môi trường sử dụng ngân sách nhà nước do Bộ Giao thông vận tải quản lý

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 7 như sau:

“a) Đối với những nhiệm vụ môi trường mà sản phẩm được ban hành dưới hình thức các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật hoặc được ứng dụng, triển khai trong hoạt động bảo vệ môi trường, cụ thể như: tổ chức các khóa tập huấn chuyên môn nghiệp vụ bảo vệ môi trường, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường; đăng bài viết trên báo, tạp chí, cổng thông tin điện tử; thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; kiểm tra công tác bảo vệ môi trường; họp Hội đồng tuyển chọn, Hội đồng thẩm định thuyết minh đề cương nhiệm vụ môi trường; lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm, Vụ Môi trường căn cứ nội dung thực hiện để lấy thêm ý kiến của các chuyên gia từ các cơ quan, đơn vị và thực hiện thẩm định;”.

2. Sửa đổi tiêu đề khoản 1 Điều 9 như sau: “Căn cứ lập, phân bổ, giao dự toán ngân sách”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a và b khoản 2 Điều 9 như sau:

“a) Căn cứ khoản 1 Điều 9 lập danh mục nhiệm vụ môi trường năm kế hoạch theo Mẫu số 02 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt;

b) Rà soát, trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt thuyết minh đề cương, dự toán các nhiệm vụ môi trường năm kế hoạch tại điểm a khoản 2 Điều 9 trước ngày 31 tháng 12 theo Mẫu số 03 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9 như sau:

“3. Trách nhiệm của Vụ Tài chính

Căn cứ danh mục nhiệm vụ môi trường và Quyết định phê duyệt thuyết minh đề cương, dự toán các nhiệm vụ môi trường nêu tại điểm a và b khoản 2 Điều 9, dự thảo Quyết định giao dự toán ngân sách cho cơ quan chủ trì trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt.”.

5. Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 13 như sau:

“b) 01 (một) bộ phiếu đánh giá, ý kiến nhận xét của các thành viên Hội đồng, biên bản họp Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở và báo cáo tiếp thu giải trình của chủ nhiệm nhiệm vụ đối với kết luận của Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở (bản sao);”

6. Thay thế Phụ lục 3, 5, 6, 7, 10 của Thông tư số 56/2015/TT-BGTVT ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải tương ứng với Mẫu số 01, 02, 03, 04, 05 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Bãi bỏ khoản 5 Điều 9, Điều 17 của Thông tư số 56/2015/TT-BGTVT ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 11 năm 2017.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, MT(05)^{Thánh N.}





PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 34 /2017/TT-BGTVT ngày 05 tháng 10 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

- Mẫu số 01 Quyết định đề cương nhiệm vụ môi trường
- Mẫu số 02 Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ môi trường
- Mẫu số 03 Quyết định phê duyệt thuyết minh đề cương, dự toán nhiệm vụ môi trường
- Mẫu số 04 Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường
- Mẫu số 05 Văn bản xác nhận hoàn thành nhiệm vụ môi trường



[Faint, illegible handwritten text]

[Faint, illegible handwritten text]

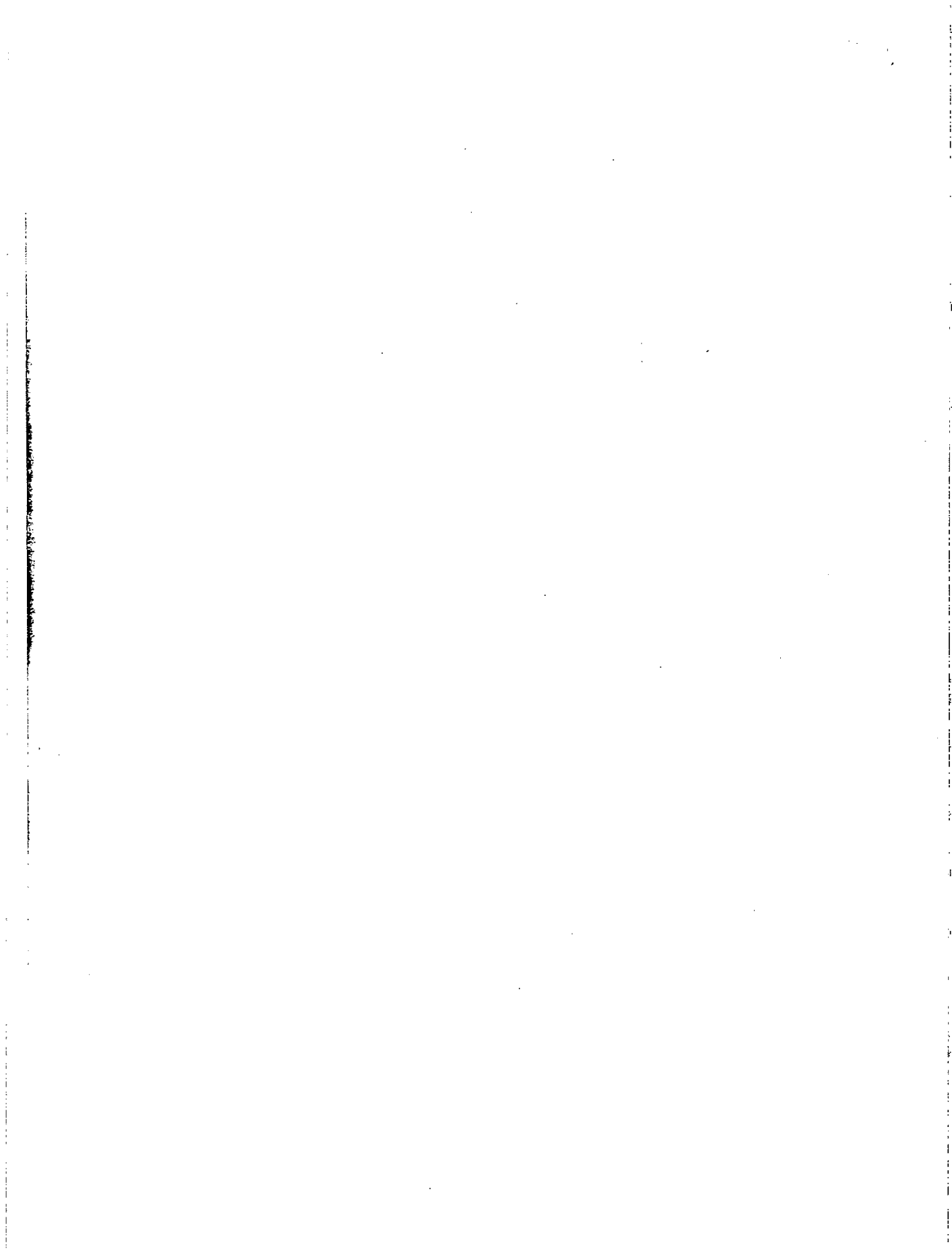
Mẫu số 01. Thuyết minh đề cương nhiệm vụ môi trường

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(TÊN CƠ QUAN CHỦ TRÌ)

THUYẾT MINH ĐỀ CƯƠNG NHIỆM VỤ MÔI TRƯỜNG
(TÊN NHIỆM VỤ)

Mã số:

Địa danh, năm 20....



I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NHIỆM VỤ

1. Tên nhiệm vụ	2. Mã số:	
3. Quản lý nhiệm vụ		
3.1. Cơ quan quản lý Tên cơ quan quản lý: Bộ Giao thông vận tải Địa chỉ:		
3.2 . Cơ quan chủ trì Tên cơ quan: Điện thoại: Fax: Địa chỉ: Họ và tên thủ trưởng cơ quan: Số tài khoản: Ngân hàng:		
3.3. Chủ nhiệm nhiệm vụ Họ và tên: Học hàm/Học vị: Chức vụ: Điện thoại: Cơ quan: Nhà riêng: Mobile: Fax: E-mail: Tên cơ quan đang công tác: Địa chỉ cơ quan: Địa chỉ nhà riêng:		
3.4. Tổ chức, cá nhân phối hợp thực hiện		
TT	Tên tổ chức/cá nhân	Địa chỉ
1		
2		
3		
4. Thời gian thực hiện Từ tháng/20..... đến tháng /20...		

5. Dự kiến kinh phí	
Tổng kinh phí: triệu đồng, trong đó:	
Nguồn	Tổng số (triệu đồng)
- Từ ngân sách nhà nước	
- Từ nguồn tự có của cơ quan chủ trì	
- Từ nguồn khác	
6. Căn cứ pháp lý và sự cần thiết phải thực hiện	
6.1. Căn cứ pháp lý lập nhiệm vụ (nêu các văn bản pháp lý liên quan đến nhiệm vụ)	
6.2. Sự cần thiết phải thực hiện nhiệm vụ (nêu khái quát những thông tin cơ bản, mới nhất về tình hình nghiên cứu, triển khai trong và ngoài nước; thể hiện sự am hiểu và nắm bắt được thông tin về lĩnh vực thực hiện; nêu rõ quan điểm của tác giả về tính cấp thiết của nhiệm vụ v.v...)	
7. Phạm vi, quy mô	
8. Địa điểm thực hiện	

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA NHIỆM VỤ

9. Mục tiêu của nhiệm vụ				
9.1. Mục tiêu dài hạn				
9.2. Mục tiêu ngắn hạn				
10. Phương pháp thực hiện				
11. Nội dung thực hiện (liệt kê những nội dung trọng tâm để thực hiện mục tiêu của nhiệm vụ, nêu bật những nội dung mới để giải quyết vấn đề đặt ra, thống kê chi tiết nhân lực thực hiện từng hạng mục nội dung nhiệm vụ, v.v...)				
12. Tiến độ thực hiện (phù hợp với những nội dung đã nêu tại mục 11)				
TT	Nội dung (Phân công việc thực hiện)	Thời gian		Sản phẩm phải đạt
		Bắt đầu	Kết thúc	
1.	Xây dựng đề cương			
2.	Nội dung trọng tâm (phù hợp với những nội dung đã nêu tại mục 11)			
...	Xây dựng báo cáo tổng hợp			
...	Nghiệm thu cấp cơ sở			
...	Nghiệm thu cấp Bộ			

13. Dự kiến kết quả sản phẩm, địa chỉ bàn giao sử dụng		
TT	Tên sản phẩm	Địa chỉ bàn giao sử dụng
1		
2		
3		

III. DỰ TRÙ KINH PHÍ THỰC HIỆN VÀ NGUỒN KINH PHÍ

Năm thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Nguồn vốn (triệu đồng)	
		Sự nghiệp bảo vệ môi trường (SNMT)	Nguồn khác
Tổng cộng:			

CHI TIẾT NỘI DUNG THỰC HIỆN VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	CHI PHÍ (đồng)		GHI CHÚ
		SNMT	Nguồn khác	
1	Lập nhiệm vụ			
2	Chi phí thực hiện			Phụ lục A
3	Chi báo cáo tổng kết			
4	Chi khác			Phụ lục B
	TỔNG CỘNG			Cộng 1, 2, 3, 4

PHỤ LỤC A. CHI PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)		Căn cứ áp dụng
					SNMT	Nguồn khác	
1	CHI PHÍ TRỰC TIẾP						
1.1	Chi phí nhân công						
1.2	Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ, phân tích mẫu (nếu có)						
2	CHI PHÍ QUẢN LÝ CHUNG						
	Cộng 1 và 2						

PHỤ LỤC B. CHI PHÍ KHÁC

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)		Căn cứ áp dụng
					SNMT	Nguồn khác	
1	Kiểm tra tiến độ năm (Cơ quan quản lý nhiệm vụ)						
2	Hội thảo khoa học (nếu có)						
3	Hợp nghiệm thu cấp cơ sở						
4	Hợp nghiệm thu cấp Bộ						
5	Photo, văn phòng phẩm, tài liệu tham khảo, ...						
...	...						
	Cộng 1 đến ... (Làm tròn)						

....., ngày tháng năm 20...

Chủ nhiệm nhiệm vụ
(Họ tên và chữ ký)

Thủ trưởng Cơ quan chủ trì
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Khi lập Thuyết minh đề cương đề án/dự án môi trường, cơ quan chủ trì thay cụm từ “nhiệm vụ” bằng “đề án” hoặc “dự án” trong mẫu Thuyết minh đề cương nhiệm vụ môi trường.

(2) Thuyết minh đề cương của các nhiệm vụ môi trường được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 của Thông tư này chỉ bao gồm các mục 1, 2, 3, 4, 5 Phần I; mục 11, 12, 13 Phần II và Dự toán của Mẫu Thuyết minh đề cương nhiệm vụ môi trường.

(3) Đối với các nhiệm vụ môi trường có nội dung mua sắm vật tư, nguyên liệu, thiết bị để sản xuất thí điểm/ ứng dụng thử nghiệm... thì phải nêu rõ các tiêu chí/ thông số/ yêu cầu kỹ thuật của vật tư, nguyên liệu, thiết bị.

(4) Đối với các nhiệm vụ môi trường sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường và các nguồn khác, cơ quan chủ trì phải phân khai cụ thể các hạng mục, nội dung chi và dự toán cho từng nguồn tương ứng, bảo đảm đúng quy định hiện hành về tài chính (Phần dự toán có thể tách riêng thành Phụ lục và lập dưới dạng bảng tính Excel).

Mẫu số 02. Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ môi trường**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH**Phê duyệt danh mục nhiệm vụ môi trường năm****BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Thông tư số 56/2015/TT-BGTVT ngày 08/10/2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý các nhiệm vụ môi trường sử dụng ngân sách nhà nước do Bộ Giao thông vận tải quản lý;

Căn cứ Thông tư số/2017/TT-BGTVT ngày của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung Thông tư số 56/2015/TT-BGTVT ngày 08/10/2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý các nhiệm vụ môi trường sử dụng ngân sách nhà nước do Bộ Giao thông vận tải quản lý;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-BTC ngày của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ môi trường sử dụng ngân sách nhà nước năm của Bộ Giao thông vận tải, chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Cơ quan chủ trì thực hiện các nhiệm vụ có trách nhiệm khẩn trương hoàn thiện thuyết minh đề cương và triển khai thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng các Vụ: Môi trường, Tài chính; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các cơ quan chủ trì;
- Lưu: VT, MT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phụ lục**Danh mục nhiệm vụ môi trường sử dụng ngân sách nhà nước năm***(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-BGTVT ngày ... tháng ... năm
của Bộ Giao thông vận tải)*

STT	Tên nhiệm vụ	Mã số	Cơ quan chủ trì/ phối hợp	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí đã giao	Kinh phí năm....
I	Nhiệm vụ chuyển tiếp						
II	Nhiệm vụ mở mới						
III	Nhiệm vụ thường xuyên						
...	...						
	Tổng cộng						

Mẫu số 03. Quyết định phê duyệt thuyết minh đề cương, dự toán nhiệm vụ môi trường

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt thuyết minh đề cương, dự toán nhiệm vụ môi trường
“Tên nhiệm vụ” - Mã số: MT**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Thông tư số 56/2015/TT-BGTVT ngày 08/10/2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý các nhiệm vụ môi trường sử dụng ngân sách nhà nước do Bộ Giao thông vận tải quản lý;

Căn cứ Thông tư số/2017/TT-BGTVT ngày của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung Thông tư số 56/2015/TT-BGTVT ngày 08/10/2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý các nhiệm vụ môi trường sử dụng ngân sách nhà nước do Bộ Giao thông vận tải quản lý;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-BGTVT ngày của Bộ Giao thông vận tải phê duyệt danh mục nhiệm vụ môi trường năm;

Xét đề nghị tại Biên bản họp ngày của Hội đồng cấp Bộ thẩm định thuyết minh đề cương nhiệm vụ môi trường năm và nội dung thuyết minh đề cương, dự toán nhiệm vụ môi trường “Tên nhiệm vụ” đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo văn bản số ngày của(tên cơ quan chủ trì);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt thuyết minh đề cương, dự toán nhiệm vụ môi trường “Tên nhiệm vụ” do(tên cơ quan chủ trì) chủ trì thực hiện với các nội dung chính như sau:

1. Mục tiêu (nếu có)

1.1. Mục tiêu dài hạn

1.2. Mục tiêu ngắn hạn

2. Nội dung thực hiện

3. Thời gian thực hiện**4. Kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ****5. Kinh phí và nguồn vốn**

Điều 2. Trong quá trình thực hiện nếu có đề xuất điều chỉnh nội dung nhiệm vụ môi trường, ... (tên cơ quan chủ trì) có trách nhiệm báo cáo Bộ Giao thông vận tải để xem xét, giải quyết theo quy định.

Giao Vụ Môi trường chấp thuận việc điều chỉnh chi tiết thuyết minh đề cương và dự toán nhiệm vụ môi trường Mã số: MT tại Phụ lục 1 (Thuyết minh đề cương) và Phụ lục 2 (Dự toán chi phí thực hiện) kèm theo, trừ các nội dung được nêu tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Căn cứ vào khối lượng thực hiện và sản phẩm hoàn thành(tên cơ quan chủ trì) thành quyết toán theo quy định hiện hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng các Vụ: Môi trường, Tài chính;(Tên cơ quan chủ trì) và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Kho Bạc NN;
- Lưu: VT, MT.

Mẫu số 04. Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/HD-MT

Hà Nội, ngày tháng năm.....

HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ MÔI TRƯỜNG**Tên nhiệm vụ:**

Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Thông tư số 56/2015/TT-BGTVT ngày 08/10/2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý các nhiệm vụ môi trường sử dụng ngân sách nhà nước do Bộ Giao thông vận tải quản lý;

Căn cứ Thông tư số/2017/TT-BGTVT ngày của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung Thông tư số 56/2015/TT-BGTVT ngày 08/10/2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý các nhiệm vụ môi trường sử dụng ngân sách nhà nước do Bộ Giao thông vận tải quản lý;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-BGTVT ngày..... của Bộ Giao thông vận tải phê duyệt danh mục nhiệm vụ môi trường năm 20 ..;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-BGTVT ngày..... của Bộ Giao thông vận tải phê duyệt thuyết minh đề cương, dự toán nhiệm vụ môi trường...;

Căn cứ nhu cầu và năng lực của các bên,

Chúng tôi gồm:**1. Bên giao (Bên A): Bộ Giao thông vận tải**

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Số tài khoản:

Tại Kho bạc Nhà nước Hà Nội

Đại diện:

Chức vụ:

2. Bên nhận (Bên B): Tên cơ quan chủ trì

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Số tài khoản:

Tại ngân hàng:

Đại diện:

Chức vụ:

Hai bên thoả thuận ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ môi trường (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

I. ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG

Điều 1. Bên B cam kết thực hiện nhiệm vụ môi trường:

Thuyết minh đề cương nhiệm vụ đã được xác nhận kèm theo là bộ phận của Hợp đồng.

Điều 2. Sản phẩm giao nộp

Bảng 1. Danh mục sản phẩm:

STT	Tên sản phẩm	Số lượng	Thời gian hoàn thành	Địa chỉ bàn giao sử dụng
1.				
2.				

Điều 3. Thời gian thực hiện: tháng;

Từ tháng / 20.. đến tháng/20..

II. TÀI CHÍNH CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 4. Kinh phí để thực hiện nhiệm vụ là: triệu đồng.

(Bằng chữ:).

Nguồn vốn:

Điều 5. Tiến độ cấp kinh phí thực hiện được nêu cụ thể tại Bảng 2.

Bảng 2. Tiến độ cấp kinh phí:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Năm	Kinh phí	Ghi chú
1.	Năm 20...		
2.	Năm 20...		

Nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ, Bên A có thể kiến nghị ngừng việc cấp kinh phí.

III. TRÌNH TỰ GIAO NỘP SẢN PHẨM

Điều 6. Bên B có trách nhiệm giao nộp sản phẩm cho bên A theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 56/2015/TT-BGTVT ngày 08/10/2015 của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 7. Bên B được hưởng quyền tác giả và các quyền lợi khác theo pháp luật hiện hành.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

Điều 8. Trách nhiệm của Bên A:

- Chuyển kinh phí thực hiện đúng số lượng, tiến độ để bên B thực hiện các nội dung của Hợp đồng;

- Tổ chức đánh giá, nghiệm thu và thanh lý hợp đồng khi hoàn thành nhiệm vụ môi trường;

- Bảo mật các sản phẩm và cung cấp thông tin theo quy định hiện hành.

- Các trách nhiệm khác (nếu có).

Điều 9. Trách nhiệm của Bên B:

- Thực hiện đúng, đầy đủ nội dung công việc được nêu trong thuyết minh đề cương, dự toán nhiệm vụ môi trường được phê duyệt;

- Báo cáo định kỳ cho Bên A về tình hình thực hiện nhiệm vụ môi trường (theo Biểu mẫu quy định; báo cáo tình hình sử dụng kinh phí đã nhận theo chế độ hiện hành trước khi nhận kinh phí của đợt tiếp theo, báo cáo quyết toán, báo cáo tổng hợp lũy kế).

- Quyết toán/Giải ngân nhiệm vụ môi trường theo đúng tiến độ trong thuyết minh đề cương nhiệm vụ đã được phê duyệt.

- Các trách nhiệm khác (nếu có).

Điều 10. Các thỏa thuận khác:

1. Nếu nhận thấy cần thiết dừng thực hiện Hợp đồng thì Bên B cần báo cáo bằng văn bản cho Bên A trước ... ngày để hai bên tiến hành xác định trách nhiệm và lập biên bản xử lý.

2. Khi có kiến nghị thay đổi, điều chỉnh nhiệm vụ môi trường, Bên B phải báo cáo bằng văn bản cho Bên A. Sau khi xem xét, Bên A trả lời ý kiến bằng văn bản cho Bên B và văn bản này là bộ phận của Hợp đồng để làm căn cứ nghiệm thu nhiệm vụ môi trường.

3. Nhiệm vụ môi trường được thanh quyết toán và thanh lý hợp đồng sau khi có văn bản xác nhận hoàn thành nhiệm vụ.

4. Các thỏa thuận khác (nếu có).

Điều 11. Hợp đồng này được lập thành 06 (sáu) bản, Bên A giữ 04 (bốn) bản, Bên B giữ 02 (Hai) bản có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực từ ngày ký.

Đại diện Bên A

(Ký tên và đóng dấu)

Đại diện Bên B

(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 05. Văn bản xác nhận hoàn thành nhiệm vụ môi trường**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BGTVT-MT

V/v xác nhận hoàn thành
nhiệm vụ môi trường

Hà Nội, ngày..... tháng ... năm 20....

Kính gửi: Cơ quan chủ trì nhiệm vụ môi trường.

Căn cứ Thông tư số 56/2015/TT-BGTVT ngày 08/10/2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý các nhiệm vụ môi trường sử dụng ngân sách nhà nước do Bộ Giao thông vận tải quản lý;

Căn cứ Thông tư số/2017/TT-BGTVT ngày của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung Thông tư số 56/2015/TT-BGTVT ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý các nhiệm vụ môi trường sử dụng ngân sách nhà nước do Bộ Giao thông vận tải quản lý;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-BGTVT ngày..... của Bộ Giao thông vận tải phê duyệt Danh mục nhiệm vụ môi trường năm 20 ..;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-BGTVT ngày..... của Bộ Giao thông vận tải phê duyệt thuyết minh đề cương, dự toán nhiệm vụ môi trường...;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-BGTVT ngày..... của Bộ Giao thông vận tải điều chỉnh nội dung, dự toán nhiệm vụ môi trường... (nếu có);

Căn cứ văn bản số...../BGTVT-MT ngày tháng..... năm 20.... của Bộ Giao thông vận tải thông báo kết quả nghiệm thu nhiệm vụ môi trường....(nếu có);

Căn cứ báo cáo kết quả triển khai nhiệm vụ môi trường tại văn bản số..... ngày... ..của (cơ quan chủ trì) kèm theo sản phẩm (nếu có);

Xét văn bản số ngày... ..của (cơ quan chủ trì) kèm theo hồ sơ nhiệm vụ môi trường;

Sau khi kiểm tra kết quả thực hiện, Bộ Giao thông vận tải xác nhận cơ quan chủ trì đã hoàn thành nhiệm vụ môi trường được giao./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng ... (để b/c);
- Vụ Tài chính;
- Lưu VT, MT.

TL. BỘ TRƯỞNG
LÃNH ĐẠO VỤ MÔI TRƯỜNG
(Ký tên và đóng dấu)

